TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2018/DS-PT
Ngày 07-11-2018
V/v "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Ánh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị An Tiên

***- Thư ký phiên tòa*:**

Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:**

Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự phúc thẩm số: 203/2015/DSPT ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị hủy để xét xử lại theo thủ phúc thẩm.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 187/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp TS, xã ĐT huyện TrB, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1984; cư trú tại: Số A, đường số B, khu phố C, phường D, quận H, thành phố Hồ Chí Minh. (Hợp đồng ủy quyền ngày 02-11-2018)

***- Bị đơn*:** Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1934; cư trú tại: Ấp LT, xã HT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh. (đã chết vào ngày 29-11-2014).

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn:*

1/ Cụ Đào Thị R, sinh năm 1938; cư trú tại: Ấp LT, xã HT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh.

2/ Bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp LT, xã HT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh.

3/ Bà Nguyễn Thị K2, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp Lộc Tân, xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

4/ Bà Nguyễn Thị K3, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp LT, xã HT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh.

5/ Bà Nguyễn Thị K4, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp LT, xã HT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh.

6/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp LT, xã HT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh.

7/ Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp LT, xã HT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh.

8/ Bà Nguyễn Thị Út E, sinh năm 1984; cư trú tại: Xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Bà Nguyễn Thị K5, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp Lộc Phước, xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

10/ Ông Nguyễn Văn K6, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp LT, xã HT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Ấp LT, xã HT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Ông Lưu Văn C, sinh năm 1960; cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số A1, đường A2, ấp B1, xã C1, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Hợp đồng ủy quyền ngày 11/10/2018)

Riêng ông Nguyễn Văn K6, bà Nguyễn Thị K4 không ủy quyền cho ông Lưu Văn C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn K6, sinh năm 1964; trú tại: Ấp LT, xã HT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh và vợ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; trú tại: Ấp SN, xã TLT, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông K6, bà L cùng tạm trú tại: Ấp Lộc Thuận, xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2/ Cụ Đào Thị R, sinh năm 1938; cư trú tại: Ấp LT, xã HT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh (vợ của ông K).

Người kháng cáo: Bị đơn - cụ Nguyễn Văn K.

Anh H, Ông K6, bà L, ông C có mặt; những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn P trình bày:

Vào khoảng tháng 10 năm 2011, vợ chồng Ông K6, bà L có vay của ông số tiền 650.000.000 đồng để trả tiền nợ vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Cùng ngày vợ, chồng Ông K6 có mượn thêm ông số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng Sacombank. Tổng cộng vợ, chồng Ông K6 vay của ông số tiền là 750.000.000 đồng.

Khi cho vay, vợ chồng Ông K6 hẹn sau khi trả nợ ngân hàng sẽ vay lại tiền để trả cho ông nên ông không tính lãi. Tuy nhiên, vợ chồng Ông K6 không trả tiền đúng như thỏa thuận nên đến ngày 09/11/2011 hai bên lập hợp đồng vay tiền, có công chứng tại Văn phòng công chứng An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, người ký hợp đồng vay tiền là ông Nguyễn Văn K – cha ruột của Ông K6. Lý do ông K đứng tên vay tiền trong hợp đồng là vì trước đây ông K là người bảo lãnh cho vợ chồng Ông K6, bà L vay tiền tại ngân hàng bằng quyền sử dụng đất nhưng do đất có tranh chấp, không vay tiền lại được nên Ông K6, bà L không trả được tiền cho ông nên ông yêu cầu ông K đứng tên bên vay trong hợp đồng vay ngày 09/11/2011.

Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,1%/tháng, nhưng từ đó đến nay Cụ K và vợ chồng bà L, Ông K6 chưa trả khoản tiền lãi, tiền gốc nào cho ông. Nay ông yêu cầu ông K, Ông K6, bà L phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vay đã ký kể từ ngày 09/11/2011 đến nay.

*Bị đơn, cụ Nguyễn Văn K trình bày***:**

Cụ K thừa nhận có ký tên vào giấy vay tiền ngày 07/11/2011 và hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2011 vay tiền của anh P, do lúc đó các con của cụ đang gặp khó khăn về kinh tế nên kêu cụ ra ký nhận nợ thay. Vì thương con nên cụ đồng ý ký hợp đồng vay tiền với anh P; cụ biết vợ chồng Ông K6 có vay tiền của anh P nhưng không biết bao nhiêu, cụ không phải là người vay tiền của anh P nên không đồng ý trả nợ cho anh P.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Văn K6 trình bày:

Ông thừa nhận có vay của anh P tổng cộng là 750.000.000 đồng, mục đích vay để trả nợ ngân hàng tiền gốc và tiền lãi là 604.000.000 đồng, số tiền còn lại

vay trước đó. Vợ chồng ông có hứa sau khi trả tiền ngân hàng xong sẽ vay lại để trả tiền cho anh P; nhưng ngân hàng không cho vay lại nên vợ, chồng ông không có tiền trả cho anh P.

Do vợ, chồng ông không có tài sản gì, còn Cụ K - cha của ông thì có tài sản nên sau khi vay khoảng 02 tháng thì anh P yêu cầu vợ, chồng ông và Cụ K đến Văn phòng Công chứng để ký hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản nhưng Văn phòng công chứng tại Trảng Bàng không đồng ý thực hiện và mẹ ông là cụ Đào Thị R cũng không đồng ý ký tên; vì vậy, vợ chồng ông và ông K, anh P đến Văn phòng công chứng An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh để ký hợp đồng vay tiền và thế chấp quyền sử dụng đất của Cụ K, Cụ K ký tên là người vay.

Sau khi vay, vợ chồng ông trả cho anh P được 24.000.000 đồng tiền lãi. Toàn bộ số nợ trên là do vợ, chồng ông vay của anh P, Cụ K không vay. Nay ông đồng ý trả cho anh P số tiền 750.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng đã ký.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Văn K6.

Cụ Đào Thị R trình bày: Cụ không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh P đối với Cụ K chồng bà vì bà không biết việc vay nợ giữa anh P và Cụ K.

Tại Bản án số: 137/2014/DSST ngày 19 tháng 9 năm 2014 Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn P đối với bị đơn cụ Nguyễn Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K6, bà Nguyễn Thị L.

Buộc cụ Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn K6, bà Nguyễn Thị L trả cho anh Trần Văn P số tiền gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi là 283.250.000 đồng; tổng cộng 1.033.250.000 đồng (một tỷ, không trăm ba mươi ba triệu, hai trăm năm chục ngàn đồng).

Ngày 02 tháng 10 năm 2014, cụ Nguyễn Văn K kháng cáo không đồng ý cùng vợ, chồng ông Nguyễn Văn K6 và bà Nguyễn Thị L trả nợ cho anh P vì vợ chồng Ông K6, bà L không có tài sản thế chấp nên cụ chỉ đứng ra ký nhận nợ thay, thực tế anh P chưa lần nào đưa tiền cho cụ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Cụ K chết ngày 29/11/2014.

Tại bản án số 203/2015/DSPT ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã xử:

Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 137/2014/DSST ngày 19 tháng 9 năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự thỏa thuận với nhau cụ thể như sau:

Ông P, ông C và vợ, chồng Ông K6, bà L thống nhất việc vợ, chồng Ông K6, bà L trả Ông P số tiền là 1.009.250.000 đồng (trong đó: Tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi là 259.250.000 đồng).

Ngày 24/8/2018 Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 256/2018/DS-GĐT tuyên hủy Bản án số 203/2015/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm vì lý do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:Ghi nhận không đúng và không đầy đủ các nội dung đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau.Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày đất do ông K đứng tên hiện đang có tranh chấp, tuy nhiên Tòa án cấp phúc thẩm đã không làm rõ có hay không việc tranh chấp này mà vẫn để các đương sự tiến hành thỏa thuận và ghi nhận sự thỏa thuận là không đúng.

Tại phiên tòa, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Cụ K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của Cụ K.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của cụ Nguyễn Văn K và yêu cầu của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Cụ K. Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Cụ K trong phạm vi di sản Cụ K để lại có trách nhiệm trả cho Ông P số tiền 1.033.250.000 đồng (một tỷ, không trăm ba mươi ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bà K4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Cụ K là ông C trình bày: Quyết định giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm vì cho rằng những người thừa kế của Cụ K đồng ý liên đới cùng Ông K6, bà L trả tiền cho anh P và đồng ý dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Cụ K đi vay tiền ngân hàng trả nợ cho anh P là không đúng. Ông xác định có đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Cụ K trình bày tại phiên hòa giải ở cấp phúc thẩm là đồng ý liên đới cùng vợ chồng Ông K6, bà L trả tiền cho anh P và đồng ý cho Ông P, bà L dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Cụ K để thế chấp vay tiền ngân hàng trả nợ cho anh P, tuy nhiên hiện nay ông xác định thay đổi ý kiến, không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới vì Cụ K không phải là người vay tiền, đất Cụ K đang đứng tên có tranh chấp nên không thể thỏa thuận thế chấp ngân hàng được .

[3] Xét kháng cáo của Cụ K và ý kiến của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Cụ K:

[3.1] Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 07 và ngày 09/11/2011, Cụ K đứng tên là người vay tiền, Cụ K biết việc ký tên vào hợp đồng vay là nhận nợ thay cho Ông K6, bà L nhưng cụ thừa nhận vì thương con đang gặp khó khăn nên chấp nhận ký, điều này thể hiện cụ hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ông K6, bà L và Cụ K đều xác nhận thời điểm Cụ K ký giấy vay tiền, Cụ K biết Ông P, bà L đã nhận tiền của anh P (bút lục 17, 18, 22). Do đó, xét về hình thức và nội dung của hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2011 phù hợp với các quy định tại Điều 389, 401, 402 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật, bên cho vay – anh P và bên vay - Cụ K phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 473, 474, 475, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, ông C cho rằng hợp đồng vay tiền giữa anh P và Cụ K bị vô hiệu do Cụ K chưa nhận tiền là không có căn cứ.

[3.2] Mặt khác, các bên đều thừa nhận, trước khi ký tên nhận nợ, Cụ K và Ông P, bà L có ý định thế chấp tài sản của Cụ K cho anh P để đảm bảo tiền vay. Tuy nhiên, do cụ R không đồng ý bảo lãnh và phòng công chứng không đồng ý công chứng nên các bên thỏa thuận chuyển thành hợp đồng vay, Cụ K nhận nợ thay cho Ông K6, bà L.

[3.3] Theo hợp đồng vay nêu trên thì Cụ K là người có nghĩa vụ duy nhất đối với anh P, tuy nhiên, cả anh P, Cụ K, vợ chồng Ông K6, bà L đều công nhận khoản tiền trên Ông K6, bà L sử dụng; anh P là bên cho vay yêu cầu Ông K6, bà L chịu trách nhiệm cùng Cụ K trả cho anh số tiền vay này, Ông K6, bà L cũng đồng ý chịu trách nhiệm trả tiền cho anh P nên cấp sơ thẩm buộc vợ chồng Ông K6, bà L có nghĩa vụ liên đới cùng Cụ K trả tiền vay cho anh P là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Do Cụ K đã chết nên những người thừa kế của Cụ K gồm cụ R, bà Nguyễn Thị K1, bà Nguyễn Thị K2, bà Nguyễn Thị K3, bà Nguyễn Thị K4, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Út E, bà Nguyễn Thị K5, ông Nguyễn Văn K6 thực hiện nghĩa vụ thay Cụ K và chịu án phí trong phạm vi di sản thừa kế Cụ K để lại, do đó, cần phải sửa án sơ thẩm về phần này.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có cơ sở; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của cụ Nguyễn Văn K và yêu cầu của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Cụ K, sửa án sơ thẩm như nhận định trên.

[6] Về án phí: Những người thừa kế của Cụ K và vợ chồng Ông K6 bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định tại Điều 27, 29 của Pháp lệnh về Án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, ghi nhận Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã hoàn trả cho anh P xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 474, 476, 637 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27, 29 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – cụ Nguyễn Văn K.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - anh Trần Văn P đối với bị đơn - cụ Nguyễn Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K6, bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc những người thừa kế của cụ Nguyễn Văn K gồm: cụ Đào Thị R, bà Nguyễn Thị K1, bà Nguyễn Thị K2, bà Nguyễn Thị K3, bà Nguyễn Thị K4, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Út E, bà Nguyễn Thị K5, ông Nguyễn Văn K6 có nghĩa vụ trong phạm vi di sản của Cụ K để lại liên đới cùng vợ chồng ông Nguyễn Văn K6, bà Nguyễn Thị L trả cho anh Trần Văn P số tiền gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi là 283.250.000 đồng; tổng cộng 1.033.250.000 đồng (một tỷ, không trăm ba mươi ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Những người thừa kế của cụ Nguyễn Văn K gồm: cụ Đào Thị R, bà Nguyễn Thị K1, bà Nguyễn Thị K2, bà Nguyễn Thị K3, bà Nguyễn Thị K4, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Út E, bà Nguyễn Thị K5, ông Nguyễn Văn K6 và vợ chồng ông Nguyễn Văn K6, bà Nguyễn Thị L cùng chịu 42.277.500 đồng (bốn mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Ghi nhận anh Trần Văn P đã được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 21.581.250 đồng (hai mươi mốt triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0000583 ngày 27/6/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Cụ Đào Thị R, bà Nguyễn Thị K1, bà Nguyễn Thị K2, bà Nguyễn Thị K3, bà Nguyễn Thị K4, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Út E, bà Nguyễn Thị K5, ông Nguyễn Văn K6 cùng chịu 200.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự Cụ K đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000904 ngày 08/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận đã nộp xong án phí phúc thẩm dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai